

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương của Công ty TNHH Sơn Hà (đợt 2) do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Kế hoạch số 8015/KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của UBND huyện Xuân Lộc tại Tờ trình số 324/TTr-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021; ý kiến của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 609/TTr-LĐTBXH ngày 22 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương của Công ty TNHH Sơn Hà (lần 2) do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ gồm 412 người lao



động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ 15 ngày liên tục trở lên đến dưới 01 tháng (30 ngày) với kinh phí hỗ trợ là 764.260.000 đồng (bảy trăm sáu mươi bốn triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng)

(Danh sách đính kèm theo Quyết định).

Nguồn kinh phí hỗ trợ người lao động được sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 68/NQ-CP và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND huyện Xuân Lộc chỉ đạo các đơn vị liên quan khẩn trương chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Xuân Lộc và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *./.*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng
Nguyễn Sơn Hùng





ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG TÂM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG,
NGHỈ VIỆC KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH SON HÀ (ĐQT 2)

(Kèm theo Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Họ và tên	Phòng ban làm việc phân xưởng	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương		Tổng số tiền hỗ trợ	Số tiền đã hỗ trợ theo Quyết định số 3092/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai	Số tiền hỗ trợ bổ sung	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							HĐLĐ	Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm			Tên TK	Số TK	Ngân hàng	

L. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TÂM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG

1	Trần Quốc Hương	QL Sản xuất 9	Không xác định thời hạn	23/03/2013	7512173520	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3,710,000	1,855,000	1,855,000	Trần Quốc Hương	5902205469450	Agribank - Xuân Lộc	371158776
2	Trương Mỹ Kim	QA	Không xác định thời hạn	06/08/2020	7516211809	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3,710,000	1,855,000	1,855,000	Trương Mỹ Kim	5902205212002	Agribank - Xuân Lộc	272606018
3	Nguyễn Thị Sy	SF12	Không xác định thời hạn	14/06/2017	7516126556	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3,710,000	1,855,000	1,855,000	Nguyễn Thị Sy	5902205349405	Agribank - Xuân Lộc	183435511
4	Nguyễn Thị Mai Vương	SF04	Không xác định thời hạn	14/06/2017	7516126557	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3,710,000	1,855,000	1,855,000	Nguyễn Thị Mai Vương	5902205349349	Agribank - Xuân Lộc	271998166
5	Thị Đình	SF11	Không xác định thời hạn	17/06/2017	7516126565	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3,710,000	1,855,000	1,855,000	Thị Đình	5902205349507	Agribank - Xuân Lộc	272660129
6	Nguyễn Thị Huyền	SF11	Không xác định thời hạn	21/06/2017	7516021627	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3,710,000	1,855,000	1,855,000	Nguyễn Thị Huyền	5902205349752	Agribank - Xuân Lộc	187037099
7	Thị Trinh	SG04	Không xác định thời hạn	21/06/2017	7515135703	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3,710,000	1,855,000	1,855,000	Thị Trinh	5902205349854	Agribank - Xuân Lộc	272045381
8	Nguyễn Thị Thủy Trinh	SF11	Không xác định thời hạn	21/06/2017	0207243471	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3,710,000	1,855,000	1,855,000	Nguyễn Thị Thủy Trinh	5902205350036	Agribank - Xuân Lộc	271832471
9	Đặng Thị Diễm Thủy	SF09	Không xác định thời hạn	21/06/2017	7516126575	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3,710,000	1,855,000	1,855,000	Đặng Thị Diễm Thủy	5902205350115	Agribank - Xuân Lộc	271695411

TT	Họ và tên	Phòng ban làm việc phân xưởng	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HDLĐ/ngày không lương		Tổng số tiền hỗ trợ	Số tiền đã hỗ trợ theo Quyết định số 3092/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai	Số tiền hỗ trợ bổ sung	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm				Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
10	Lê Minh Kha	QL Sản xuất 9	Không xác định thời hạn	21/06/2017	7910234612	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3,710,000	1,855,000	1,855,000	Lê Minh Kha	5902205350196	Agribank - Xuân Lộc	371196614
11	Nguyễn Thị Hiền	SF04	Không xác định thời hạn	24/06/2017	7510190872	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3,710,000	1,855,000	1,855,000	Nguyễn Thị Hiền	5902205350217	Agribank - Xuân Lộc	187101770
12	Phan Thị Kiều Oanh	QL Sản xuất 9	Không xác định thời hạn	30/06/2017	7514151141	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3,710,000	1,855,000	1,855,000	Phan Thị Kiều Oanh	5902205350252	Agribank - Xuân Lộc	272057079
13	Nguyễn Thị Thúy Hằng	SF05	Không xác định thời hạn	30/06/2017	4707026050	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3,710,000	1,855,000	1,855,000	Nguyễn Thị Thúy Hằng	5902205350281	Agribank - Xuân Lộc	273165410
14	Đinh Thị Ngọc	SF18	Không xác định thời hạn	01/07/2017	7513188031	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3,710,000	1,855,000	1,855,000	Đinh Thị Ngọc	5902205351906	Agribank - Xuân Lộc	261169728
15	Hoàng Thị Tuyết	SF09	Không xác định thời hạn	01/07/2017	7408288389	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3,710,000	1,855,000	1,855,000	Hoàng Thị Tuyết	5902205351912	Agribank - Xuân Lộc	261103677
16	Lê Hoài Nam	SF03	Không xác định thời hạn	05/07/2017	7513022727	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3,710,000	1,855,000	1,855,000	Lê Hoài Nam	5902205350377	Agribank - Xuân Lộc	272361485
17	Trần Ngọc Minh	SF03	Không xác định thời hạn	08/07/2017	7516126594	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3,710,000	1,855,000	1,855,000	Trần Ngọc Minh	5902205350404	Agribank - Xuân Lộc	261292368
18	Bùi Đức Thịnh	QL Sản xuất Gunze X9	Không xác định thời hạn	08/07/2017	7513187977	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3,710,000	1,855,000	1,855,000	Bùi Đức Thịnh	5902205351929	Agribank - Xuân Lộc	272135587
19	Hoàng Ngọc Sơn	SF20	Không xác định thời hạn	12/07/2017	7516126597	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3,710,000	1,855,000	1,855,000	Hoàng Ngọc Sơn	5902205351941	Agribank - Xuân Lộc	272621254
20	Nguyễn Văn Hùng	SF04	Không xác định thời hạn	13/07/2017	7516013346	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3,710,000	1,855,000	1,855,000	Nguyễn Văn Hùng	5902205351958	Agribank - Xuân Lộc	272490421
21	Vòng Lý Văn	SG04	Không xác định thời hạn	13/07/2017	7511085070	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3,710,000	1,855,000	1,855,000	Vòng Lý Văn	5902205352110	Agribank - Xuân Lộc	271765977
22	Lý Thị Nhi	SF15	Không xác định thời hạn	15/07/2017	7516103813	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3,710,000	1,855,000	1,855,000	Lý Thị Nhi	5902205352185	Agribank - Xuân Lộc	272555097

TT	Họ và tên	Phòng ban làm việc phân xưởng	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương		Tổng số tiền hỗ trợ	Số tiền đã hỗ trợ theo Quyết định số 3092/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai	Số tiền hỗ trợ bổ sung	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm				Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
23	Lê Thị Minh Thiện	QL Sản xuất 9	Không xác định thời hạn	21/07/2017	7511091618	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Lê Thị Minh Thiện	5902205352264	Agribank - Xuân Lộc	271912411
24	Lý Thị Tuyết	SG01	Không xác định thời hạn	26/07/2017	7516103820	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Lý Thị Tuyết	5902205352524	Agribank - Xuân Lộc	272344952
25	Trần Thị Thủy	SF15	Không xác định thời hạn	09/08/2017	7516103832	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Trần Thị Thủy	5902205352661	Agribank - Xuân Lộc	261103273
26	Nguyễn Thị Bích Ngọc	SG01	Không xác định thời hạn	09/08/2017	7516103837	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Bích Ngọc	5902205352684	Agribank - Xuân Lộc	225548744
27	II Yés	SF09	Không xác định thời hạn	16/08/2017	7515031014	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	II Yés	5902205352705	Agribank - Xuân Lộc	272344818
28	Nguyễn Thị Chung Thao	QL Sản xuất 9	Không xác định thời hạn	16/08/2017	7513077681	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Chung Thao	5902205352711	Agribank - Xuân Lộc	272621057
29	Nguyễn Lê Thanh Tiên	SG04	Không xác định thời hạn	18/08/2017	7516143452	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Lê Thanh Tiên	5902205352757	Agribank - Xuân Lộc	27290304
30	Đoàn Vũ Khương	SF01	Không xác định thời hạn	01/09/2017	7513006679	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Đoàn Vũ Khương	5902205352786	Agribank - Xuân Lộc	272459882
31	Nguyễn Thị Thùy Tiên	SG04	Không xác định thời hạn	09/09/2017	7514015035	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Thùy Tiên	5902205352820	Agribank - Xuân Lộc	271356935
32	Nguyễn Thị Hương	SF18	Không xác định thời hạn	09/09/2017	7516143467	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Hương	5902205352836	Agribank - Xuân Lộc	272555110
33	Lê Thị Mỹ Phương	SG04	Không xác định thời hạn	03/11/2017	7515134607	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Lê Thị Mỹ Phương	5902205352871	Agribank - Xuân Lộc	272786785
34	Phạm Văn Lập	QL Sản xuất Gunze X9	Không xác định thời hạn	04/11/2017	7516126509	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Phạm Văn Lập	5902205352894	Agribank - Xuân Lộc	272228407
35	Nguyễn Thị Thục Quên	SG02	Không xác định thời hạn	02/12/2017	7516034295	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Thục Quên	5902205352980	Agribank - Xuân Lộc	272555636

TT	Họ và tên	Phòng ban làm việc phân xưởng	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLD	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HDLD/nghỉ không lương		Tổng số tiền hỗ trợ	Số tiền đã hỗ trợ theo Quyết định số 3092/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai	Số tiền hỗ trợ bổ sung	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm				Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
36	Nguyễn Thị Thùy Linh	SG04	Không xác định thời hạn	09/12/2017	7516153108	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Thùy Linh	5902205353011	Agribank - Xuân Lộc	272840346
37	Hoàng Mỹ Duyên	SG01	Không xác định thời hạn	17/01/2018	7516171613	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Hoàng Mỹ Duyên	5902205347389	Agribank - Xuân Lộc	272727390
38	Trần Thị Luyến	SG01	Không xác định thời hạn	04/02/2018	6016008103	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Trần Thị Luyến	5902205347395	Agribank - Xuân Lộc	272333097
39	Sa As	SG02	Không xác định thời hạn	10/03/2018	7516173101	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Sa As	5902205349463	Agribank - Xuân Lộc	271911226
40	Lê Thị Diễm	SF01	Không xác định thời hạn	10/03/2018	7912250333	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Lê Thị Diễm	5902205349565	Agribank - Xuân Lộc	264371582
41	Phâu Sĩ Yah	SF09	Không xác định thời hạn	15/03/2018	7516173109	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Phâu Sĩ Yah	5902205350325	Agribank - Xuân Lộc	272390343
42	Ha Sa Nah	SF04	Không xác định thời hạn	16/03/2018	7516173113	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Ha Sa Nah	5902205350390	Agribank - Xuân Lộc	351941621
43	Lek Jamila	SF14	Không xác định thời hạn	21/03/2018	7516149408	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Lek Jamila	5902205350479	Agribank - Xuân Lộc	272864348
44	Lê Thị Mỹ Diễm	SG02	Không xác định thời hạn	21/03/2018	7516149409	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Lê Thị Mỹ Diễm	5902205350491	Agribank - Xuân Lộc	215402507
45	Sa Ky Na	SF12	Không xác định thời hạn	14/04/2018	7516149427	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Sa Ky Na	5902205350620	Agribank - Xuân Lộc	272837084
46	Hoàng Thị Kiều Oanh	SF20	Không xác định thời hạn	19/04/2018	7516149522	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Hoàng Thị Kiều Oanh	5902205350672	Agribank - Xuân Lộc	272676912
47	Trương Thị Ánh Tuyết	SF15	Không xác định thời hạn	01/06/2018	7511049427	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Trương Thị Ánh Tuyết	5902205351118	Agribank - Xuân Lộc	271771459
48	Dương Thị Ngân	SF04	Không xác định thời hạn	10/06/2018	3511004131	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Dương Thị Ngân	5902205351305	Agribank - Xuân Lộc	272819642

TT	Họ và tên	Phòng ban làm việc phân xưởng	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương		Tổng số tiền hỗ trợ	Số tiền đã hỗ trợ theo Quyết định số 3092/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai	Số tiền hỗ trợ bổ sung	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/hệ căn cước công dân
							HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương	Đến ngày tháng năm				Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
49	Nguyễn Thị Hương	SF03	Không xác định thời hạn	20/06/2018	7515051688	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Hương	590220531370	Agribank - Xuân Lộc	272490345
50	Phạm Thị Thu Vân	QL Sản xuất 9	Không xác định thời hạn	20/06/2018	7515135632	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Phạm Thị Thu Vân	5902205349536	Agribank - Xuân Lộc	272818376
51	Hoàng Thị Thanh Tiên	SF04	Không xác định thời hạn	24/06/2018	7516140685	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Hoàng Thị Thanh Tiên	5902205349542	Agribank - Xuân Lộc	261496861
52	Nguyễn Thị Thu Thảo	SF09	Không xác định thời hạn	27/06/2018	7516002224	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Thu Thảo	5902205349609	Agribank - Xuân Lộc	272490427
53	Ây Sah	SG04	Không xác định thời hạn	29/06/2018	7516226767	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Ây Sah	5902205349644	Agribank - Xuân Lộc	272777968
54	Lê Thị Mỹ Lan	SF09	Không xác định thời hạn	11/07/2018	7510145247	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Lê Thị Mỹ Lan	5902205349680	Agribank - Xuân Lộc	271998194
55	Nguyễn Thị Thương	SF15	Không xác định thời hạn	11/07/2018	7908279195	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Thương	5902205349700	Agribank - Xuân Lộc	366291250
56	Nguyễn Thị Thu Thảo	SF09	Không xác định thời hạn	18/07/2018	7514186604	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Thu Thảo	5902205349825	Agribank - Xuân Lộc	272555488
57	Nguyễn Thị Băng Xuyên	SF11	Không xác định thời hạn	23/08/2018	7516000589	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Băng Xuyên	5902205349962	Agribank - Xuân Lộc	272250951
58	Phan Thị Tuyết	SF11	Không xác định thời hạn	23/08/2018	7908206887	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Phan Thị Tuyết	5902205349991	Agribank - Xuân Lộc	205081816
59	Nguyễn Thị Hiền	SF04	Không xác định thời hạn	23/08/2018	7525597544	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Hiền	5902205350065	Agribank - Xuân Lộc	272660097
60	Giáp Thị Trinh	SF11	Không xác định thời hạn	23/08/2018	7514014968	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Giáp Thị Trinh	5902205350739	Agribank - Xuân Lộc	271790089
61	Trương Thị Mỹ Lê	SF16	Không xác định thời hạn	23/08/2018	6021184994	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Trương Thị Mỹ Lê	5902205350774	Agribank - Xuân Lộc	261574100

TT	Họ và tên	Phòng ban làm việc phân xưởng	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/ngiht không lương		Tổng số tiền hỗ trợ	Số tiền đã hỗ trợ theo Quyết định số 3092/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai	Số tiền hỗ trợ bổ sung	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm				Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
62	Trần Thị Bảy	Tập vụ X9	Không xác định thời hạn	23/08/2018	7510157024	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Trần Thị Bảy	5902205350780	Agribank - Xuân Lộc	187170542
63	Lê Thị Hương	SF04	Không xác định thời hạn	13/10/2018	7514074484	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Lê Thị Hương	5902205350853	Agribank - Xuân Lộc	272490611
64	Lê Thị Hằng	SF04	Không xác định thời hạn	08/11/2018	7525611358	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Lê Thị Hằng	5902205350910	Agribank - Xuân Lộc	272670172
65	Nguyễn Thị Bình	SF12	Không xác định thời hạn	30/03/2019	7510191036	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Bình	5902205351039	Agribank - Xuân Lộc	271431151
66	Nguyễn Hoàng Hạnh	SF05	Không xác định thời hạn	31/03/2019	7526428086	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Hoàng Hạnh	5902205351130	Agribank - Xuân Lộc	272745911
67	Phâu Sĩ Dah	SF01	Không xác định thời hạn	03/04/2019	7525523870	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Phâu Sĩ Dah	5902205351199	Agribank - Xuân Lộc	272786579
68	Sa Kì Roh	SF09	Không xác định thời hạn	03/04/2019	7513172110	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Sa Kì Roh	5902205351203	Agribank - Xuân Lộc	271911142
69	Phạm Thị Tú Quyên	QL Sản xuất 9	Không xác định thời hạn	11/04/2019	7516207075	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Phạm Thị Tú Quyên	5902205351386	Agribank - Xuân Lộc	272343424
70	Phạm Chính Chiến	QL Sản xuất Gunze X9	Không xác định thời hạn	11/04/2019	7526368620	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Phạm Chính Chiến	5902205351392	Agribank - Xuân Lộc	272696313
71	Fì Zan	SF12	Không xác định thời hạn	13/04/2019	7525746198	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Fì Zan	5902205353244	Agribank - Xuân Lộc	272864349
72	Võ Thị Kiều Phương	SF04	Không xác định thời hạn	13/04/2019	8224017182	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Võ Thị Kiều Phương	5902205353250	Agribank - Xuân Lộc	272670071
73	Nguyễn Thị Nhiều	QL Sản xuất 9	Không xác định thời hạn	13/04/2019	8925348155	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Nhiều	5902205353267	Agribank - Xuân Lộc	352016859

TT	Họ và tên	Phòng ban làm việc phân xưởng	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng			Tổng số tiền hỗ trợ	Số tiền đã hỗ trợ theo Quyết định số 3092/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai	Số tiền hỗ trợ bổ sung	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm	Tên TK				Số TK	Ngân hàng		
74	Nor Ai Ni	SF18	Không xác định thời hạn	13/04/2019	7526431781	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nor Ai Ni	5902205353273	Agribank - Xuân Lộc	272660162	
75	Tăng Thị Cẩm	QC X9	Không xác định thời hạn	19/04/2019	7525534667	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Tăng Thị Cẩm	5902205353296	Agribank - Xuân Lộc	272555386	
76	Fa Di Lah	SF18	Không xác định thời hạn	21/04/2019	7526431828	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Fa Di Lah	5902205351885	Agribank - Xuân Lộc	272660120	
77	Đinh Thị Mỹ Thảo	SF03	Không xác định thời hạn	26/04/2019	7515134721	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Đinh Thị Mỹ Thảo	5902205351862	Agribank - Xuân Lộc	272490469	
78	Cao Thị Kim Oanh	QL Sản xuất 9	Không xác định thời hạn	27/04/2019	7514186863	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Cao Thị Kim Oanh	5902205351856	Agribank - Xuân Lộc	272045636	
79	Vô Thị Nga	SF11	Không xác định thời hạn	27/04/2019	7408141325	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Vô Thị Nga	5902205351840	Agribank - Xuân Lộc	183208400	
80	Trần Thị Ngọc	SF03	Không xác định thời hạn	17/05/2019	7525727571	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Trần Thị Ngọc	5902205351760	Agribank - Xuân Lộc	272786399	
81	Trần Thị Kim Anh	SF14	Không xác định thời hạn	18/05/2019	7525649723	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Trần Thị Kim Anh	5902205351754	Agribank - Xuân Lộc	272745180	
82	Phạm Thị Ngọc	SF01	Không xác định thời hạn	19/06/2019	7525658074	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Phạm Thị Ngọc	5902205351669	Agribank - Xuân Lộc	271944721	
83	Nguyễn Thị Tuyết Nhân	SF03	Không xác định thời hạn	26/06/2019	7511121751	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Tuyết Nhân	5902205351623	Agribank - Xuân Lộc	261171009	
84	Phan Thị Liên	SF03	Không xác định thời hạn	04/07/2019	7510081639	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Phan Thị Liên	5902205351596	Agribank - Xuân Lộc	271660744	
85	Lê Thị Lý	QL Sản xuất 9	Không xác định thời hạn	02/08/2019	7525698977	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Lê Thị Lý	5902205350984	Agribank - Xuân Lộc	191731704	
86	Điền Thị Trang	SF01	Không xác định thời hạn	02/08/2019	7512007668	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Điền Thị Trang	5902205350978	Agribank - Xuân Lộc	271587999	

TT	Họ và tên	Phòng ban làm việc phân xưởng	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLD	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HDLD/nghỉ không lương		Tổng số tiền hỗ trợ	Số tiền đã hỗ trợ theo Quyết định số 3092/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai	Số tiền hỗ trợ bổ sung	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm				Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
87	I Ca Mi La	SF05	Không xác định thời hạn	08/08/2019	7525628543	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	I Ca Mi La	5902205350926	Agribank - Xuân Lộc	272745232
88	Ma Ri Gia	SF04	Không xác định thời hạn	09/08/2019	7512206507	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Ma Ri Gia	5902205349848	Agribank - Xuân Lộc	272292505
89	Trương Thị Lệ Thủy	SF15	Không xác định thời hạn	15/08/2019	7516027901	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Trương Thị Lệ Thủy	5902205349696	Agribank - Xuân Lộc	272727990
90	Sa Ki Góh	SF15	Không xác định thời hạn	23/08/2019	7515135436	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Sa Ki Góh	5902205349650	Agribank - Xuân Lộc	272406631
91	Hoàng Lê Khánh Dương	SF12	Không xác định thời hạn	06/09/2019	7514052457	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Hoàng Lê Khánh Dương	5902205349638	Agribank - Xuân Lộc	271431821
92	Trần Thị Tuyết Nhung	SF12	Không xác định thời hạn	11/09/2019	7525555237	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Trần Thị Tuyết Nhung	5902205349621	Agribank - Xuân Lộc	272745145
93	Nguyễn Thị Bích Hạnh	SF05	Không xác định thời hạn	25/09/2019	7510081797	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Bích Hạnh	5902205348918	Agribank - Xuân Lộc	271911709
94	Phạm Thị Huỳnh Hoa	SF14	Không xác định thời hạn	05/10/2019	7525677242	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Phạm Thị Huỳnh Hoa	5902205348976	Agribank - Xuân Lộc	272745857
95	Aty kah	SF04	Không xác định thời hạn	16/10/2019	7525630374	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Aty kah	5902205349014	Agribank - Xuân Lộc	272660141
96	Ro Ty Giah	SF12	Không xác định thời hạn	16/11/2019	7525523952	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Ro Ty Giah	5902205349122	Agribank - Xuân Lộc	272158353
97	Lê Thị Mỹ Duyên	QC X9	Không xác định thời hạn	07/12/2019	7525744385	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Lê Thị Mỹ Duyên	5902205349139	Agribank - Xuân Lộc	025951918
98	Lê Thị Việt Trinh	SF09	Không xác định thời hạn	19/03/2020	7511121748	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Lê Thị Việt Trinh	5902205349890	Agribank - Xuân Lộc	272045241
99	Ma Ri Dam	SF09	Không xác định thời hạn	20/03/2020	7526432081	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Ma Ri Dam	5902205350013	Agribank - Xuân Lộc	272864749

ĐƠN

TT	Họ và tên	Phòng ban làm việc phân xưởng	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương		Tổng số tiền hỗ trợ	Số tiền đã hỗ trợ theo Quyết định số 3092/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai	Số tiền hỗ trợ bổ sung	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm				Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
100	Lê Ngọc Hương	SF12	Không xác định thời hạn	20/03/2020	7525645229	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Lê Ngọc Hương	5902205350109	Agribank - Xuân Lộc	272606316
101	Đoàn Thị Hương	SF15	Không xác định thời hạn	20/03/2020	9106086791	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Đoàn Thị Hương	5902205350121	Agribank - Xuân Lộc	276010838
102	Mai Thị Thanh Tâm	SF14	Không xác định thời hạn	21/03/2020	7516126527	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Mai Thị Thanh Tâm	5902205350144	Agribank - Xuân Lộc	272745551
103	Sa Ly Đa	SF03	Không xác định thời hạn	22/03/2020	7526431577	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Sa Ly Đa	5902205350427	Agribank - Xuân Lộc	272745367
104	Nguyễn Thị Quỳnh Sa	SG01	Không xác định thời hạn	25/03/2020	7516006274	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Quỳnh Sa	5902205350440	Agribank - Xuân Lộc	272100983
105	Lê Thị Ái Xuân	SF09	Không xác định thời hạn	25/03/2020	7526431888	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Lê Thị Ái Xuân	5902205350462	Agribank - Xuân Lộc	276017249
106	Thị Linh	SF12	Không xác định thời hạn	25/03/2020	7525555048	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Thị Linh	5902205350485	Agribank - Xuân Lộc	272660707
107	Pha Ty Mah	SF04	Không xác định thời hạn	25/03/2020	7526948843	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Pha Ty Mah	5902205350529	Agribank - Xuân Lộc	276010007
108	Ha Ni Sahr	SF18	Không xác định thời hạn	25/03/2020	7526948844	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Ha Ni Sahr	5902205350564	Agribank - Xuân Lộc	272390386
109	A Mí Roh	SF12	Không xác định thời hạn	27/03/2020	7516058083	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	A Mí Roh	5902205351442	Agribank - Xuân Lộc	272490749
110	Nguyễn Thị Hòa	SF14	Không xác định thời hạn	27/03/2020	7510040255	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Hòa	5902205351459	Agribank - Xuân Lộc	271787769
111	Ro Kech	SF14	Không xác định thời hạn	29/02/2020	7525562511	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Ro Kech	5902205351465	Agribank - Xuân Lộc	272786751
112	Bùi Thị Ngọc Trân	SG04	Không xác định thời hạn	29/02/2020	7525566855	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Bùi Thị Ngọc Trân	5902205351471	Agribank - Xuân Lộc	272745863

TT	Họ và tên	Phòng ban làm việc phân xưởng	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương		Tổng số tiền hỗ trợ	Số tiền đã hỗ trợ theo Quyết định số 3092/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai	Số tiền hỗ trợ bổ sung	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm				Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
113	Trương Mỹ Linh	SF11	Không xác định thời hạn	02/04/2020	7526572230	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Trương Mỹ Linh	5902205351515	Agribank - Xuân Lộc	272516250
114	Nguyễn Thị Khánh Ly	QC X9	Không xác định thời hạn	02/04/2020	7514068333	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Khánh Ly	5902205351521	Agribank - Xuân Lộc	272228599
115	Trần Thị Thủy Tiên	SG04	Không xác định thời hạn	03/04/2020	7525733315	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Trần Thị Thủy Tiên	5902205351538	Agribank - Xuân Lộc	272745108
116	Phan Thị Thu Thảo	SF16	Không xác định thời hạn	09/04/2020	7525731191	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Phan Thị Thu Thảo	5902205351652	Agribank - Xuân Lộc	272745886
117	Ro Hi Mah	SF14	Không xác định thời hạn	15/04/2020	7510144652	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Ro Hi Mah	5902205352366	Agribank - Xuân Lộc	272458592
118	Nguyễn Thị Ly	QC X9	Không xác định thời hạn	18/04/2020	7511016255	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Ly	5902205352439	Agribank - Xuân Lộc	271998169
119	Ro Phi Ah	SF20	Không xác định thời hạn	30/04/2020	7516148499	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Ro Phi Ah	5902205361590	Agribank - Xuân Lộc	272660155
120	Nguyễn Thị Hà	SF14	Không xác định thời hạn	06/05/2020	7523034715	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Hà	5902205361583	Agribank - Xuân Lộc	276010897
121	Sa Mi Na	SF12	Không xác định thời hạn	07/05/2020	7939492958	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Sa Mi Na	5902205361560	Agribank - Xuân Lộc	079300002672
122	Nguyễn Thị Thanh Huệ	QA	Không xác định thời hạn	14/05/2020	7525645224	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Thanh Huệ	5902205361525	Agribank - Xuân Lộc	272190699
123	Hoàng Thị Hồng Văn	SG02	Không xác định thời hạn	21/05/2020	4025047476	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Hoàng Thị Hồng Văn	5902205361430	Agribank - Xuân Lộc	187858301
124	Phan Thị Mỹ Dung	SF14	Không xác định thời hạn	21/05/2020	7510129328	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Phan Thị Mỹ Dung	5902205361446	Agribank - Xuân Lộc	271540070
125	Thị Ly Sa	SF03	Không xác định thời hạn	06/06/2020	7525688679	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Thị Ly Sa	5902205371302	Agribank - Xuân Lộc	272787644



TT	Họ và tên	Phòng ban làm việc phân xưởng	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương		Tổng số tiền hỗ trợ	Số tiền đã hỗ trợ theo Quyết định số 3092/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai	Số tiền hỗ trợ bổ sung	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm				Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
126	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	SF03	Không xác định thời hạn	18/06/2020	7525719569	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	5902205371354	Agribank - Xuân Lộc	272660401
127	Nguyễn Thị Thanh Thủy	SG02	Không xác định thời hạn	29/06/2020	7908322244	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Thanh Thủy	5902205381790	Agribank - Xuân Lộc	272190235
128	Nguyễn Thị Huệ	SF15	Không xác định thời hạn	04/07/2020	7409313114	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Huệ	5902205381828	Agribank - Xuân Lộc	272980857
129	Thị Nguyễn	SF18	Không xác định thời hạn	05/07/2020	7525581627	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Thị Nguyễn	5902205381863	Agribank - Xuân Lộc	272670993
130	Ma Sĩ To Roh	SF11	Không xác định thời hạn	11/07/2020	7511108197	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Ma Sĩ To Roh	5902205381920	Agribank - Xuân Lộc	271998196
131	Nguyễn Thị Thu Thảo	SF09	Không xác định thời hạn	17/07/2020	7526905502	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Thu Thảo	5902205381994	Agribank - Xuân Lộc	276010083
132	Nguyễn Thị Thu Thảo	Kho	Không xác định thời hạn	10/07/2020	7525590051	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Thu Thảo	590220537152	Agribank - Xuân Lộc	272555395
133	Sa Li Phanh	SF03	Không xác định thời hạn	05/08/2020	7526075612	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Sa Li Phanh	5902205391771	Agribank - Xuân Lộc	272516410
134	Sa Ly Hah	SF16	Không xác định thời hạn	14/08/2020	7516149709	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Sa Ly Hah	5902205391815	Agribank - Xuân Lộc	272555363
135	Lê Thị Minh Thu	SF09	Không xác định thời hạn	22/08/2020	7512206440	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Lê Thị Minh Thu	5902205352287	Agribank - Xuân Lộc	272333735
136	Nguyễn Thị Kim Tuyền	Tập vụ X9	Không xác định thời hạn	23/08/2020	7525706612	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Kim Tuyền	5902205391838	Agribank - Xuân Lộc	272391605
137	Fatimah	SF16	Không xác định thời hạn	29/08/2020	7514186485	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Fatimah	5902205379487	Agribank - Xuân Lộc	271540464
138	Vân Đăng Kim	SF18	Không xác định thời hạn	02/09/2020	7526572224	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Vân Đăng Kim	5902205400578	Agribank - Xuân Lộc	272931839

TT	Họ và tên	Phòng ban làm việc phân xưởng	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương		Tổng số tiền hỗ trợ	Số tiền đã hỗ trợ theo Quyết định số 3092/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai	Số tiền hỗ trợ bổ sung	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/hộ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm				Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
139	Lê Doãn Thái	QL Sản xuất 9	Không xác định thời hạn	05/09/2020	7513187044	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Lê Doãn Thái	5902205400590	Agribank - Xuân Lộc	271911712
140	Nguyễn Thị Xuân	QC X9	Không xác định thời hạn	10/09/2020	7527002202	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Xuân	5902205400686	Agribank - Xuân Lộc	271790516
141	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	QC Gunze X9	Không xác định thời hạn	13/09/2020	7516149258	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	5902205400713	Agribank - Xuân Lộc	272555592
142	Phạm Thị Thoại Mỹ	SF18	Không xác định thời hạn	17/09/2020	7527010740	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Phạm Thị Thoại Mỹ	5902205400946	Agribank - Xuân Lộc	272837489
143	Danh Thị Hương	SF12	Không xác định thời hạn	01/10/2020	7526557549	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Danh Thị Hương	5902205407400	Agribank - Xuân Lộc	272555148
144	Sa Roh	SF15	Không xác định thời hạn	02/10/2020	7525723224	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Sa Roh	5902205407469	Agribank - Xuân Lộc	272696399
145	Nguyễn Thị Bé Thương	Hoàn thành	Không xác định thời hạn	16/09/2020	7527000656	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Bé Thương	5902205407519	Agribank - Xuân Lộc	272190142
146	Thổ Ngọc Hà	SF09	Không xác định thời hạn	11/10/2020	7516002230	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Thổ Ngọc Hà	5902205407531	Agribank - Xuân Lộc	272585904
147	Ro Ky Yah	SF14	Không xác định thời hạn	30/10/2020	7511003448	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Ro Ky Yah	5902205349904	Agribank - Xuân Lộc	272045292
148	Thị Sa Phi	Hoàn thành	Không xác định thời hạn	07/10/2020	7021297444	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Thị Sa Phi	5902205407604	Agribank - Xuân Lộc	285721760
149	Sa Ly	SF03	Không xác định thời hạn	04/11/2020	7510036689	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Sa Ly	5902205407679	Agribank - Xuân Lộc	271911278
150	Fa Ti La	SF03	Không xác định thời hạn	11/11/2020	7510144624	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Fa Ti La	5902205407691	Agribank - Xuân Lộc	272190885
151	Nguyễn Thị Thúy	SF12	Không xác định thời hạn	13/11/2020	7510156200	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Thúy	5902205407712	Agribank - Xuân Lộc	272333736

15/09/2021

TT	Họ và tên	Phòng ban làm việc phân xưởng	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLD	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HDLD/nghỉ không lương		Tổng số tiền hỗ trợ	Số tiền đã hỗ trợ theo Quyết định số 3092/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai	Số tiền hỗ trợ bổ sung	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm				Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
152	Trần Thị Thanh Diễm	Hoàn thành	Không xác định thời hạn	13/1/2020	7525584697	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Trần Thị Thanh Diễm	5902205413143	Agribank - Xuân Lộc	272978733
153	Nguyễn Thị Thu Liễu	SF09	Không xác định thời hạn	11/12/2020	7512068498	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Thu Liễu	4802205224090	Agribank - Xuân Lộc	261229579
154	Mã Ri Giah	SF05	Không xác định thời hạn	19/12/2020	7513015452	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Mã Ri Giah	5902205418118	Agribank - Xuân Lộc	272390390
155	Trần Thiên Phong	Cải-tấp nhân	Không xác định thời hạn	01/01/2021	7513034996	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Trần Thiên Phong	5902205418176	Agribank - Xuân Lộc	271695140
156	Ro Mah	SF03	Không xác định thời hạn	08/01/2021	7509096462	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Ro Mah	5902205418203	Agribank - Xuân Lộc	272045298
157	Trình Thị Vui	SG01	Không xác định thời hạn	07/02/2021	3521187156	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Trình Thị Vui	5902205427805	Agribank - Xuân Lộc	173379291
158	Lâm Thị Hằng	SF12	Không xác định thời hạn	06/03/2021	7516126647	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Lâm Thị Hằng	5902205427870	Agribank - Xuân Lộc	261292328
159	Ngô Thị Mỹ Huyền	SF15	Không xác định thời hạn	07/03/2021	7525526541	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Ngô Thị Mỹ Huyền	5902205427971	Agribank - Xuân Lộc	272881269
160	Kho Sĩ Rốt	SF16	Không xác định thời hạn	07/03/2021	7514032317	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Kho Sĩ Rốt	5902205427988	Agribank - Xuân Lộc	272490470
161	Nguyễn Thị Anh Kiều	SF12	Không xác định thời hạn	07/03/2021	7515066262	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Anh Kiều	5902205428003	Agribank - Xuân Lộc	272556222
162	A Phi Ni	Cải-Ép nhân	Không xác định thời hạn	13/02/2021	7526674541	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	A Phi Ni	5902205428032	Agribank - Xuân Lộc	272864789
163	Nguyễn Thị Cẩm Thủy	Cải-Ép nhân	Không xác định thời hạn	15/02/2021	7525606061	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Cẩm Thủy	5902205428055	Agribank - Xuân Lộc	272881231
164	Phạm Thị Chén	SF01	Không xác định thời hạn	10/03/2021	6021119211	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Phạm Thị Chén	5902205428128	Agribank - Xuân Lộc	261319960

TT	Họ và tên	Phòng ban làm việc phân xưởng	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLD	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HDLD/nghỉ không lương		Tổng số tiền hỗ trợ	Số tiền đã hỗ trợ theo Quyết định số 3092/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai	Số tiền hỗ trợ bổ sung	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm				Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
165	Sa Ly	SF03	Không xác định thời hạn	11/03/2021	7513035009	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Sa Ly	5902205428170	Agribank - Xuân Lộc	272343454
166	Đỗ Thị Tuyết Nga	SF16	Không xác định thời hạn	11/03/2021	7512054597	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Đỗ Thị Tuyết Nga	5902205428192	Agribank - Xuân Lộc	272346824
167	Troy Hi Yah	SF11	Không xác định thời hạn	11/03/2021	7525539148	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Troy Hi Yah	5902205428213	Agribank - Xuân Lộc	272660247
168	Asila	SF11	Không xác định thời hạn	11/03/2021	8924375061	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Asila	5902205428236	Agribank - Xuân Lộc	352695237
169	Trần Thị Đài	SF05	Không xác định thời hạn	12/03/2021	6020434088	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Trần Thị Đài	5902205428242	Agribank - Xuân Lộc	261195771
170	Su Bi Dah	SF11	Không xác định thời hạn	17/03/2021	7913218826	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Su Bi Dah	5902205435520	Agribank - Xuân Lộc	352127292
171	A Ấy Sáh	SF18	Không xác định thời hạn	18/03/2021	7525592672	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	A Ấy Sáh	5902205435543	Agribank - Xuân Lộc	272762313
172	Nguyễn Thị Hoa	SF05	Không xác định thời hạn	19/03/2021	7508008976	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Hoa	5902205446419	Agribank - Xuân Lộc	271899680
173	Mati	SG04	Không xác định thời hạn	19/03/2021	7526675833	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Mati	5902205435589	Agribank - Xuân Lộc	272881002
174	Ma Ry	SF04	Không xác định thời hạn	19/03/2021	7222672917	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Ma Ry	5902205435595	Agribank - Xuân Lộc	272555298
175	Phạm Thị Hiền Lương	SG01	Không xác định thời hạn	21/03/2021	7525697261	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Phạm Thị Hiền Lương	5902205435600	Agribank - Xuân Lộc	272745290
176	Thị Y Sa	SF14	Không xác định thời hạn	21/03/2021	7513022720	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Thị Y Sa	5902205435616	Agribank - Xuân Lộc	272391506
177	Phạm Thị Thanh Tuyền	SF18	Không xác định thời hạn	31/03/2021	7525659312	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Phạm Thị Thanh Tuyền	5902205435668	Agribank - Xuân Lộc	272881061

TT	Họ và tên	Phòng ban làm việc phân xưởng	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương		Tổng số tiền hỗ trợ	Số tiền đã hỗ trợ theo Quyết định số 3092/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai	Số tiền hỗ trợ bổ sung	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày	Đến ngày				Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
178	Võ Thị Kiều Trang	SF14	Không xác định thời hạn	31/03/2021	7525722635	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Võ Thị Kiều Trang	5902205435674	Agribank - Xuân Lộc	272840853
179	Trần Văn Trường	QL Ủi-Hoàn thành	Không xác định thời hạn	09/03/2021	7525750639	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Trần Văn Trường	5902205435680	Agribank - Xuân Lộc	272727316
180	Nguyễn Thị Thu Sương	QC Gunze X9	Không xác định thời hạn	05/04/2021	7526697448	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Thu Sương	5902205435747	Agribank - Xuân Lộc	272390484
181	Nguyễn Thị Ngọc Nữ	SF12	Không xác định thời hạn	05/04/2021	7514032311	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Ngọc Nữ	5902205446454	Agribank - Xuân Lộc	271998130
182	Ma Ri Yan	SF03	Không xác định thời hạn	13/05/2021	7525728571	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Ma Ri Yan	5902205439964	Agribank - Xuân Lộc	272045303
183	Sa Rôh	SF03	Không xác định thời hạn	13/05/2021	7525746197	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Sa Rôh	5902205439970	Agribank - Xuân Lộc	272864242
184	Đoàn Thị Hồng Oanh	Hoàn thành	Không xác định thời hạn	21/04/2021	7525539779	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Đoàn Thị Hồng Oanh	5902205440015	Agribank - Xuân Lộc	272390428
185	Hồ Thị Hồng	SF14	Không xác định thời hạn	14/05/2021	7516149407	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Hồ Thị Hồng	5902205440038	Agribank - Xuân Lộc	272837893
186	Nguyễn Ngô Mỹ Huyền	QC Gunze X9	Không xác định thời hạn	15/05/2021	7525523843	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Ngô Mỹ Huyền	5902205440044	Agribank - Xuân Lộc	272881368
187	Lê Thị Ánh Ngân	Hoàn thành	Không xác định thời hạn	22/04/2021	7525720016	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Lê Thị Ánh Ngân	5902205440050	Agribank - Xuân Lộc	272881453
188	Lê Thị Ánh Phương	Hoàn thành	Không xác định thời hạn	22/04/2021	7525597433	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Lê Thị Ánh Phương	5902205440067	Agribank - Xuân Lộc	272343437
189	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Hoàn thành	Không xác định thời hạn	22/04/2021	7525576741	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Kiều Oanh	5902205440073	Agribank - Xuân Lộc	241803672
190	Nguyễn Thị Ngọc Pháo	QC X9	Không xác định thời hạn	19/05/2021	7515135367	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Ngọc Pháo	5902205440100	Agribank - Xuân Lộc	272555261

TT	Họ và tên	Phòng ban làm việc phân xưởng	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương		Tổng số tiền hỗ trợ	Số tiền đã hỗ trợ theo Quyết định số 3092/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai	Số tiền hỗ trợ bổ sung	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm				Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
191	Phạm Thị Thùy	SF05	Không xác định thời hạn	19/05/2021	7511179302	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Phạm Thị Thùy	5902205440175	Agribank - Xuân Lộc	151675650
192	Nguyễn Thị Hương	SF04	Không xác định thời hạn	19/05/2021	7510039644	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Hương	5902205440225	Agribank - Xuân Lộc	271695186
193	Nguyễn Thị Thu Đông	SF11	Không xác định thời hạn	19/05/2021	7525549260	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Thu Đông	5902205440254	Agribank - Xuân Lộc	272745300
194	Hồ Minh Tâm	Ui X9	Không xác định thời hạn	20/05/2021	7525620237	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Hồ Minh Tâm	5902205440277	Agribank - Xuân Lộc	272391504
195	Huỳnh Ngọc Thảo	SF12	Không xác định thời hạn	21/05/2021	6021137594	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Huỳnh Ngọc Thảo	5902205440283	Agribank - Xuân Lộc	261370079
196	Trần Thị Hiếu	QC X9	Không xác định thời hạn	21/05/2021	7413251582	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Trần Thị Hiếu	5902205346232	Agribank - Xuân Lộc	186762721
197	Đặng Thị Thanh Tuyền	SF03	Không xác định thời hạn	21/05/2021	7516103836	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Đặng Thị Thanh Tuyền	5902205343989	Agribank - Xuân Lộc	271689023
198	Nguyễn Thị Đông Trúc	SF11	Không xác định thời hạn	22/05/2021	7516226749	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Đông Trúc	5902205440429	Agribank - Xuân Lộc	272660328
199	Bùi Xuân Thuận	Ui X9	Không xác định thời hạn	22/05/2021	7516005739	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Bùi Xuân Thuận	5902205440435	Agribank - Xuân Lộc	272620774
200	Bùi Thị Ngọc	SF01	Không xác định thời hạn	23/05/2021	7525229819	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Bùi Thị Ngọc	5902205440508	Agribank - Xuân Lộc	370990467
201	Nguyễn Thị Hà	SF14	Không xác định thời hạn	10/05/2021	7516006257	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Hà	5902205446483	Agribank - Xuân Lộc	261491483
202	Nguyễn Thị Tuyết Thương	SF20	Không xác định thời hạn	04/06/2021	7416316876	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Tuyết Thương	5902205446527	Agribank - Xuân Lộc	285633096
203	Phạm Thị Mỹ Hạnh	SF15	Không xác định thời hạn	04/06/2021	7525601134	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Phạm Thị Mỹ Hạnh	5902205446579	Agribank - Xuân Lộc	272250395

TT	Họ và tên	Phòng ban làm việc phân xưởng	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/người không hưởng lương		Tổng số tiền hỗ trợ	Số tiền đã hỗ trợ theo Quyết định số 3092/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai	Số tiền hỗ trợ bổ sung	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm				Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
204	Ngô Thị Hằng	SF18	Không xác định thời hạn	04/06/2021	7525599125	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Ngô Thị Hằng	5902205446585	Agribank - Xuân Lộc	272881190
205	Huỳnh Thị Thảo Vân	SF20	Không xác định thời hạn	04/06/2021	7525564582	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Huỳnh Thị Thảo Vân	5902205446606	Agribank - Xuân Lộc	272670186
206	Lê Thị Tuyết Trinh	SF03	Không xác định thời hạn	04/06/2021	7512054662	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Lê Thị Tuyết Trinh	5902205446612	Agribank - Xuân Lộc	272430301
207	Phùng Thị Mỹ Huệ	Hoàn thành	Không xác định thời hạn	13/05/2021	7525575908	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Phùng Thị Mỹ Huệ	5902205446670	Agribank - Xuân Lộc	272034890
208	Hồ Thị Tuyết Ngân	SF05	Không xác định thời hạn	06/06/2021	7525617543	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Hồ Thị Tuyết Ngân	5902205419314	Agribank - Xuân Lộc	276010870
209	Nguyễn Thị Liễu	Cải-Đp nhân	Không xác định thời hạn	15/05/2021	6021161724	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Liễu	5902205428900	Agribank - Xuân Lộc	261602195
210	Lê Thị Diệp	SF01	Không xác định thời hạn	11/06/2021	7916030485	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Lê Thị Diệp	5902205446800	Agribank - Xuân Lộc	191636626
211	Nguyễn Thị Tuyết An	SF04	Không xác định thời hạn	17/06/2021	7525525062	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Tuyết An	5902205446839	Agribank - Xuân Lộc	272881500
212	Nguyễn Thị Như Ý	SF11	Không xác định thời hạn	17/06/2021	7525903144	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Như Ý	5902205446845	Agribank - Xuân Lộc	272968608
213	Bùi Thị Na	SF09	Không xác định thời hạn	17/06/2021	7525677514	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Bùi Thị Na	5902205446851	Agribank - Xuân Lộc	272555123
214	Nguyễn Ngọc Huệ	SF01	Không xác định thời hạn	17/06/2021	7526431559	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Ngọc Huệ	5902205446880	Agribank - Xuân Lộc	272881428
215	Nguyễn Thị Yên	SF20	Không xác định thời hạn	17/06/2021	7526677618	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Yên	5902205446918	Agribank - Xuân Lộc	272959039
216	Lê Thị Phương Thảo	IE	Không xác định thời hạn	23/06/2021	7526529976	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Lê Thị Phương Thảo	590220545484	Agribank - Xuân Lộc	272621146

TT	Họ và tên	Phòng ban làm việc phân xưởng	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLD	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HDLD/ngỉ không lương		Tổng số tiền hỗ trợ	Số tiền đã hỗ trợ theo Quyết định số 3092/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai	Số tiền hỗ trợ bổ sung	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm				Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
217	Phạm Thị Thủy	SF04	Không xác định thời hạn	23/06/2021	7417010818	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Phạm Thị Thủy	5902205455505	Agribank - Xuân Lộc	276049643
218	Máy Dánh	SF04	Không xác định thời hạn	30/06/2021	7525612870	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Máy Dánh	5902205455823	Agribank - Xuân Lộc	276010200
219	Ma Ri Giah	SF05	Không xác định thời hạn	02/07/2021	7525557419	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Ma Ri Giah	5902205455852	Agribank - Xuân Lộc	272732065
220	Ma Si Ta Roh	SF20	Không xác định thời hạn	02/07/2021	7525746419	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Ma Si Ta Roh	5902205455875	Agribank - Xuân Lộc	272727160
221	Trương Thị Thủy Trang	SF12	Không xác định thời hạn	08/07/2021	7512206647	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Trương Thị Thủy Trang	5902205455931	Agribank - Xuân Lộc	271948059
222	Sa Phi Nah	SF05	Không xác định thời hạn	16/07/2021	7526312056	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Sa Phi Nah	5902205456096	Agribank - Xuân Lộc	272343500
223	Ty Quơ	SF11	Không xác định thời hạn	16/07/2021	7516004135	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Ty Quơ	5902205456117	Agribank - Xuân Lộc	272555280
224	Nguyễn Thị Thanh Thảo	SF11	Không xác định thời hạn	16/07/2021	7525725502	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Thanh Thảo	5902205456123	Agribank - Xuân Lộc	272787409
225	A Ni Pheh	SF14	Không xác định thời hạn	17/07/2021	7516149697	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	A Ni Pheh	5902205456181	Agribank - Xuân Lộc	352200289
226	Mai Thị Quyên	SF05	Không xác định thời hạn	21/07/2021	7508175763	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Mai Thị Quyên	5902205456225	Agribank - Xuân Lộc	038187002764
227	Nguyễn Thị Hiệp	SF16	Không xác định thời hạn	22/07/2021	5220016385	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Hiệp	5590206962967	Agribank - Xuân Lộc	215418397
228	Hồ Thị Hào	SF09	Không xác định thời hạn	30/07/2021	7516125891	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Hồ Thị Hào	5902205463998	Agribank - Xuân Lộc	251021155
229	Nguyễn Lê Thủy	SF14	Không xác định thời hạn	30/07/2021	6012007657	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Lê Thủy	4802205174028	Agribank - Xuân Lộc	272727142

TT	Họ và tên	Phòng ban làm việc phân xưởng	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương			Tổng số tiền hỗ trợ	Số tiền đã hỗ trợ theo Quyết định số 3092/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai	Số tiền hỗ trợ bổ sung	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày	Đến ngày					Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
230	Sa Ly Hah	SF16	Không xác định thời hạn	15/07/2021	7510168977	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000		Sa Ly Hah	5902205464059	Agribank - Xuân Lộc	272045492
231	Đậu Viết Trục	QL Sản xuất 9	Không xác định thời hạn	19/07/2021	7511198215	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000		Đậu Viết Trục	5902205464065	Agribank - Xuân Lộc	241483314
232	Mai Thị Thu Trang	QA	Không xác định thời hạn	01/05/2015	7514154619	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000		Mai Thị Thu Trang	5902205502034	Agribank - Xuân Lộc	272072154
233	Nguyễn Thị Thùy Diệu	QL Sản xuất 9	Không xác định thời hạn	21/06/2017	7510113947	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000		Nguyễn Thị Thùy Diệu	5902205350007	Agribank - Xuân Lộc	271998067
234	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	SF03	Không xác định thời hạn	21/06/2017	7411051199	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000		Nguyễn Thị Hồng Cẩm	5902205350173	Agribank - Xuân Lộc	352305122
235	Trần Thị Quỳnh	SF04	Không xác định thời hạn	21/06/2017	7516126569	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000		Trần Thị Quỳnh	5902205349883	Agribank - Xuân Lộc	197284496
236	Nguyễn Thị Bé Tâm	SF11	Không xác định thời hạn	21/06/2017	7513035018	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000		Nguyễn Thị Bé Tâm	5902205350138	Agribank - Xuân Lộc	261320890
237	Thị Mai	SF24	Không xác định thời hạn	21/06/2017	7509142681	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000		Thị Mai	5902205350071	Agribank - Xuân Lộc	272045262
238	Nguyễn Thị Thủy	QL-QC	Không xác định thời hạn	01/07/2017	7910061751	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000		Nguyễn Thị Thủy	5902205351891	Agribank - Xuân Lộc	271790611
239	Nguyễn Thị Phi	SF11	Không xác định thời hạn	01/07/2017	7516126588	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000		Nguyễn Thị Phi	5902205350331	Agribank - Xuân Lộc	121699394
240	Cao Thị Thu Hồng	SF15	Không xác định thời hạn	05/07/2017	7915070712	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000		Cao Thị Thu Hồng	5902205350360	Agribank - Xuân Lộc	272516275
241	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	SG04	Không xác định thời hạn	15/07/2017	7513067607	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000		Nguyễn Thị Ngọc Nhi	5902205352191	Agribank - Xuân Lộc	272840906
242	Thị Ti Sa	SG04	Không xác định thời hạn	15/07/2017	7516103815	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000		Thị Ti Sa	5902205352229	Agribank - Xuân Lộc	291085674

TT	Họ và tên	Phòng ban làm việc phân xưởng	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLD	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HDLD/nghỉ không lương		Tổng số tiền hỗ trợ	Số tiền đã hỗ trợ theo Quyết định số 3092/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai	Số tiền hỗ trợ bổ sung	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm				Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
243	Trần Thị Sương	SF09	Không xác định thời hạn	26/07/2017	7516103821	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Trần Thị Sương	5902205352603	Agribank - Xuân Lộc	261229611
244	Nguyễn Thị Thúy Vân	SF24	Không xác định thời hạn	26/07/2017	4707107237	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Thúy Vân	5902205352270	Agribank - Xuân Lộc	271643435
245	Nguyễn Phan Yến Nhi	SF12	Không xác định thời hạn	09/08/2017	7516103834	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Phan Yến Nhi	5902205352678	Agribank - Xuân Lộc	272787474
246	Nguyễn Thị Kim Thơ	SF24	Không xác định thời hạn	09/09/2017	7516143468	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Kim Thơ	5902205352842	Agribank - Xuân Lộc	272555579
247	Mary Giá	SF24	Không xác định thời hạn	26/10/2017	7514187254	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Mary Giá	5902205352865	Agribank - Xuân Lộc	271986976
248	Phạm Hồ Hữu Xuân Diệu	SG02	Không xác định thời hạn	02/12/2017	7516153104	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Phạm Hồ Hữu Xuân Diệu	5902205352915	Agribank - Xuân Lộc	215415731
249	Lê Thị Hồng	QL-QC	Không xác định thời hạn	08/01/2018	7516171255	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Lê Thị Hồng	5902205353086	Agribank - Xuân Lộc	272555022
250	Phạm Thị Hữu Chiến	SF11	Không xác định thời hạn	10/03/2018	7516126798	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Phạm Thị Hữu Chiến	5902205349723	Agribank - Xuân Lộc	261103684
251	Ma Ri Dâm	SG01	Không xác định thời hạn	14/03/2018	7516173105	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Ma Ri Dâm	5902205350275	Agribank - Xuân Lộc	271986977
252	Lâm Thị Thanh	SF18	Không xác định thời hạn	15/03/2018	7513008725	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Lâm Thị Thanh	5902205350302	Agribank - Xuân Lộc	272344748
253	Cao Thị Hoài	SF12	Không xác định thời hạn	16/03/2018	7516173117	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Cao Thị Hoài	5902205350456	Agribank - Xuân Lộc	272653769
254	Ma Ry	SF04	Không xác định thời hạn	01/06/2018	7514187384	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Ma Ry	5902205351147	Agribank - Xuân Lộc	271911528
255	Trần Thị Quỳnh Như	SF04	Không xác định thời hạn	10/06/2018	7514186977	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Trần Thị Quỳnh Như	5902205351311	Agribank - Xuân Lộc	272344732



TT	Họ và tên	Phòng ban làm việc phân xưởng	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương		Tổng số tiền hỗ trợ	Số tiền đã hỗ trợ theo Quyết định số 3092/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai	Số tiền hỗ trợ bổ sung	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm				Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
256	Nguyễn Thị Tâm	SF24	Không xác định thời hạn	13/12/2018	7416104855	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Tâm	5902205352451	Agribank - Xuân Lộc	241339083
257	Ây Sah	SG04	Không xác định thời hạn	31/03/2019	7525708345	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Ây Sah	5902205352518	Agribank - Xuân Lộc	272555343
258	Thị Ma Tốt	SF11	Không xác định thời hạn	13/04/2019	7221465065	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Thị Ma Tốt	5902205352518	Agribank - Xuân Lộc	291078525
259	Châu Kim Chi	SF12	Không xác định thời hạn	16/10/2019	7525727634	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Châu Kim Chi	5902205348982	Agribank - Xuân Lộc	272228323
260	Nguyễn Thành Nhân	QL Sản xuất 9	Không xác định thời hạn	03/11/2019	7415013207	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thành Nhân	5902205349072	Agribank - Xuân Lộc	272135612
261	Nguyễn Thị Uyên Trinh	SF18	Không xác định thời hạn	18/03/2020	7525610902	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Uyên Trinh	5902205349201	Agribank - Xuân Lộc	272745225
262	Nguyễn Thị Hạnh	SF20	Không xác định thời hạn	18/03/2020	7526948840	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Hạnh	5902205349230	Agribank - Xuân Lộc	272745982
263	Sĩ Mã	SF24	Không xác định thời hạn	18/03/2020	7526948831	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Sĩ Mã	5902205349197	Agribank - Xuân Lộc	291124605
264	Zây Nấp	SG01	Không xác định thời hạn	29/02/2020	7525754081	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Zây Nấp	5902205351488	Agribank - Xuân Lộc	272881044
265	Fa Ti Mah	SF11	Không xác định thời hạn	18/04/2020	7526431658	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Fa Ti Mah	5902205352445	Agribank - Xuân Lộc	271833546
266	Sa Ly Hah	SF16	Không xác định thời hạn	20/05/2020	7525630258	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Sa Ly Hah	5902205361531	Agribank - Xuân Lộc	272490460
267	Vân Thị Giàu	Hoàn thành	Không xác định thời hạn	18/09/2020	7414172258	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Vân Thị Giàu	5902205407850	Agribank - Xuân Lộc	272621044
268	Fi Yah	SF24	Không xác định thời hạn	11/03/2021	7525711082	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Fi Yah	5902205428220	Agribank - Xuân Lộc	272787513

TT	Họ và tên	Phòng ban làm việc phân xưởng	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương		Tổng số tiền hỗ trợ	Số tiền đã hỗ trợ theo Quyết định số 3092/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai	Số tiền hỗ trợ bổ sung	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm				Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
269	Ma Ri Ta	SF24	Không xác định thời hạn	14/03/2021	7516002229	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Ma Ri Ta	5902205435493	Agribank - Xuân Lộc	272490384
270	Sa Pi Thah	SG04	Không xác định thời hạn	15/04/2021	7511059147	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Sa Pi Thah	5902205446460	Agribank - Xuân Lộc	025328222
271	Nguyễn Thị Phương	SF24	Không xác định thời hạn	22/05/2021	7515134771	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Phương	5902205440464	Agribank - Xuân Lộc	184100966
272	Na Phi Sáh	SF24	Không xác định thời hạn	10/06/2021	7526432234,00	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Na Phi Sáh	5902205446766	Agribank - Xuân Lộc	272881479
273	Thị Loan	SF24	Không xác định thời hạn	21/06/2017	7516126576	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Thị Loan	5902205350150	Agribank - Xuân Lộc	272585438
274	Nguyễn Thị Thao	SF24	Không xác định thời hạn	24/06/2017	7513050332	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Thao	5902205350200	Agribank - Xuân Lộc	272158551
275	Nguyễn Thị Ngọc	SF18	Không xác định thời hạn	02/12/2017	7516153107	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Ngọc	5902205353005	Agribank - Xuân Lộc	173214354
276	Nguyễn Kim Diên	SF11	Không xác định thời hạn	20/05/2018	7516148265	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Kim Diên	5902205351068	Agribank - Xuân Lộc	271974690
277	Huỳnh Thị Kiều Thu	SF18	Không xác định thời hạn	01/07/2018	7516226769	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Huỳnh Thị Kiều Thu	5902205349667	Agribank - Xuân Lộc	221290188
278	A Si Mah	SF24	Không xác định thời hạn	13/06/2019	7510036690	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	A Si Mah	5902205351725	Agribank - Xuân Lộc	272045346
279	A Fi Ny	SF24	Không xác định thời hạn	17/10/2019	7526572353	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	A Fi Ny	5902205349037	Agribank - Xuân Lộc	272818914
280	Trương Thị Như Lệ	SF24	Không xác định thời hạn	20/03/2020	7909193456	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Trương Thị Như Lệ	5902205350042	Agribank - Xuân Lộc	271540292
281	Trần Thị Ngọc Anh	SF24	Không xác định thời hạn	22/03/2020	7515066588	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Trần Thị Ngọc Anh	5902205350167	Agribank - Xuân Lộc	261379904

15/09/2021

TT	Họ và tên	Phòng ban làm việc phân xưởng	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn n. nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương			Tổng số tiền hỗ trợ	Số tiền đã hỗ trợ theo Quyết định số 3092/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai	Số tiền hỗ trợ bổ sung	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							HĐLĐ/nghỉ không lương	Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm				Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
282	Đặng Thị Ngọc Huệ	SF20	Không xác định thời hạn	17/05/2020	7525601705	02/08/2021	02/08/2021		15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Đặng Thị Ngọc Huệ	5902205361469	Agribank - Xuân Lộc	272819290
283	Hoàng Thị Mỹ Linh	SF24	Không xác định thời hạn	07/09/2020	7516126587	02/08/2021	02/08/2021		15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Hoàng Thị Mỹ Linh	5902205400640	Agribank - Xuân Lộc	271911139
284	Aisyah	SF24	Không xác định thời hạn	05/03/2021	7510028278	02/08/2021	02/08/2021		15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Aisyah	5902205427857	Agribank - Xuân Lộc	271986963
285	Chuan Ry Giành	SF24	Không xác định thời hạn	06/03/2021	7510140488	02/08/2021	02/08/2021		15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Chuan Ry Giành	5902205427907	Agribank - Xuân Lộc	272045280
286	Đặng Thị Hiếu	SF01	Không xác định thời hạn	11/03/2021	7525716979	02/08/2021	02/08/2021		15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Đặng Thị Hiếu	5902205428207	Agribank - Xuân Lộc	272045626
287	Đặng Thị Huệ	SF11	Không xác định thời hạn	21/05/2021	7525710501	02/08/2021	02/08/2021		15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Đặng Thị Huệ	5902205440304	Agribank - Xuân Lộc	272881856
288	Đặng Tiểu Hồng	Hoàn thành	Không xác định thời hạn	12/05/2021	7525601402	02/08/2021	02/08/2021		15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Đặng Tiểu Hồng	5902205446664	Agribank - Xuân Lộc	272908680
289	Thị Hoa	SF06	Không xác định thời hạn	15/07/2020	7511049444	02/08/2021	02/08/2021		15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Thị Hoa	5902205381971	Agribank - Xuân Lộc	272045266
290	Ha Si Nah	SF14	Xác định thời hạn 12 tháng	05/08/2020	7516126651	02/08/2021	02/08/2021		15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Ha Si Nah	5902205464020	Agribank - Xuân Lộc	272391546
291	Ru Vi	Cắt-Ep nhân	Xác định thời hạn 12 tháng	06/08/2020	7525557912	02/08/2021	02/08/2021		15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Ru Vi	5902205464042	Agribank - Xuân Lộc	272660251
292	Nguyễn Thị Tuyết	SF12	Xác định thời hạn 12 tháng	11/08/2020	4217288575	02/08/2021	02/08/2021		15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Tuyết	5902205464071	Agribank - Xuân Lộc	184462564
293	Nguyễn Thị Hiền	SF12	Xác định thời hạn 12 tháng	25/08/2020	7515038243	02/08/2021	02/08/2021		15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Hiền	5902205469472	Agribank - Xuân Lộc	272660088
294	Lê Thị Thuý	SF12	Xác định thời hạn 12 tháng	26/08/2020	7509063235	02/08/2021	02/08/2021		15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Lê Thị Thuý	5902205469522	Agribank - Xuân Lộc	271911286

TT	Họ và tên	Phòng ban làm việc phân xưởng	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương		Tổng số tiền hỗ trợ	Số tiền đã hỗ trợ theo Quyết định số 3092/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai	Số tiền hỗ trợ bổ sung	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/hộ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm				Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
295	Nguyễn Thị Anh Đào	QC X9	Xác định thời hạn 12 tháng	10/09/2020	7915066336	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Anh Đào	5902205469443	Agribank - Xuân Lộc	290907403
296	Lê Thị Thu Thủy	SF04	Xác định thời hạn 12 tháng	15/09/2020	7514003956	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Lê Thị Thu Thủy	5902205469539	Agribank - Xuân Lộc	272459609
297	Trần Thị Lợi	SF16	Xác định thời hạn 12 tháng	17/09/2020	7910454935	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Trần Thị Lợi	5902205469545	Agribank - Xuân Lộc	260917417
298	Lê Thị Trang	SF04	Xác định thời hạn 12 tháng	17/09/2020	7511186848	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Lê Thị Trang	5902205469551	Agribank - Xuân Lộc	276069930
299	Thị Phất Ta Ri	SF05	Xác định thời hạn 12 tháng	19/09/2020	7526432215	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Thị Phất Ta Ri	5902205474601	Agribank - Xuân Lộc	272490382
300	Thái Thị Mộng Tuyền	SF03	Xác định thời hạn 12 tháng	19/09/2020	7525545591	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Thái Thị Mộng Tuyền	5902205474568	Agribank - Xuân Lộc	271720082
301	Cô Xin	Cải-Ép nhân	Xác định thời hạn 12 tháng	03/09/2020	7525554949	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Cô Xin	5902205474466	Agribank - Xuân Lộc	272864465
302	Nguyễn Thị Mỹ Trâm	SF12	Xác định thời hạn 12 tháng	11/10/2020	7526651217	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Mỹ Trâm	5902205474630	Agribank - Xuân Lộc	272555344
303	Hoàng Thị Miên	SF09	Xác định thời hạn 12 tháng	14/10/2020	7516002232	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Hoàng Thị Miên	5902205474551	Agribank - Xuân Lộc	285741644
304	Nguyễn Thị Hồng Nhung	QC X9	Xác định thời hạn 12 tháng	14/10/2020	4705068851	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Hồng Nhung	5902205474489	Agribank - Xuân Lộc	271695560
305	Phạm Thị Phương	SF03	Xác định thời hạn 12 tháng	21/10/2020	7514187420	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Phạm Thị Phương	5902205474574	Agribank - Xuân Lộc	271689273
306	Đặng Diệu Linh	SF04	Xác định thời hạn 12 tháng	21/10/2020	7526370315	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Đặng Diệu Linh	5902205474624	Agribank - Xuân Lộc	276080293
307	Say Tah	SF03	Xác định thời hạn 12 tháng	21/10/2020	7516149558	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Say Tah	5902205474676	Agribank - Xuân Lộc	272490281

TT	Họ và tên	Phòng ban làm việc phân xưởng	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương		Tổng số tiền hỗ trợ	Số tiền đã hỗ trợ theo Quyết định số 3092/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai	Số tiền hỗ trợ bổ sung	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày	Đến ngày				Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
308	Võ Thị Hồng Phấn	SF14	Xác định thời hạn 12 tháng	27/10/2020	7516148708	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Võ Thị Hồng Phấn	5902205432285	Agribank - Xuân Lộc	272045315
309	Giảng Thị Thùy Trâm	SF09	Xác định thời hạn 12 tháng	30/10/2020	6423100030	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Giảng Thị Thùy Trâm	5902205480026	Agribank - Xuân Lộc	231404726
310	Rofrah	SF05	Xác định thời hạn 12 tháng	30/10/2020	7513035003	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Rofrah	5902205480032	Agribank - Xuân Lộc	271695535
311	Hoàng Nhật Bảo Châu	SF16	Xác định thời hạn 12 tháng	05/11/2020	7525718835	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Hoàng Nhật Bảo Châu	5902205480055	Agribank - Xuân Lộc	272881195
312	Ma Ri	SF16	Xác định thời hạn 12 tháng	07/11/2020	7514186421	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Ma Ri	5902205480084	Agribank - Xuân Lộc	272228515
313	Mai Thị Thanh Tâm	SF14	Xác định thời hạn 12 tháng	08/11/2020	7511183758	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Mai Thị Thanh Tâm	5902205480105	Agribank - Xuân Lộc	205717075
314	Nguyễn Tuấn Duy	Ừ X9	Xác định thời hạn 12 tháng	14/11/2020	7526761923	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Tuấn Duy	5902205430448	Agribank - Xuân Lộc	271986804
315	Trần Thị Hồng Vân	SF05	Xác định thời hạn 12 tháng	14/11/2020	7910084402	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Trần Thị Hồng Vân	5902205480157	Agribank - Xuân Lộc	271911249
316	A Si Sah	SF05	Xác định thời hạn 12 tháng	19/11/2020	7513188033	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	A Si Sah	5902205480186	Agribank - Xuân Lộc	272555606
317	Châm Mail Jaubar	Các-Ep nhân	Xác định thời hạn 12 tháng	27/10/2020	7221476895	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Châm Mail Jaubar	5902205480192	Agribank - Xuân Lộc	291175926
318	Sa Phi	SF04	Xác định thời hạn 12 tháng	20/11/2020	7525576123	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Sa Phi	5902205480207	Agribank - Xuân Lộc	272881012
319	Nguyễn Thị Phú	Hoàn thành	Xác định thời hạn 12 tháng	29/10/2020	6020407394	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Phú	5902205480213	Agribank - Xuân Lộc	261360938
320	Bùi Thiên Phú	Q1 Sản xuất 9	Xác định thời hạn 12 tháng	24/11/2020	7516033766	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Bùi Thiên Phú	5902205485637	Agribank - Xuân Lộc	272516558

TT	Họ và tên	Phòng ban làm việc phân xưởng	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HDLĐ/nghỉ không lương		Tổng số tiền hỗ trợ	Số tiền đã hỗ trợ theo Quyết định số 3092/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai	Số tiền hỗ trợ bổ sung	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm				Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
321	Trịnh Thị Thanh Phương	QC X9	Xác định thời hạn 12 tháng	26/11/2020	6821963961	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Trịnh Thị Thanh Phương	5902205485650	Agribank - Xuân Lộc	250642088
322	Lê Thị Mai	SF05	Xác định thời hạn 12 tháng	01/12/2020	4220629699	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Lê Thị Mai	5902205485695	Agribank - Xuân Lộc	184213483
323	Nguyễn Thị Thanh Hoa	SF12	Xác định thời hạn 12 tháng	02/12/2020	6021560874	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Thanh Hoa	5902205485739	Agribank - Xuân Lộc	261485022
324	Hồ Sên	Cải-Ép nhân	Xác định thời hạn 12 tháng	10/11/2020	7525681198	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Hồ Sên	5902205485745	Agribank - Xuân Lộc	272881018
325	Trần Thị Tuyết	SF05	Xác định thời hạn 12 tháng	09/12/2020	6021164982	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Trần Thị Tuyết	5902205485774	Agribank - Xuân Lộc	194602110
326	Nguyễn Thị Hương	SF18	Xác định thời hạn 12 tháng	09/12/2020	7525562700	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Hương	5902205485780	Agribank - Xuân Lộc	272555619
327	Nguyễn Thị Ngọc Quế Anh	SF01	Xác định thời hạn 12 tháng	12/12/2020	7525758893	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Ngọc Quế Anh	5902205485801	Agribank - Xuân Lộc	276010380
328	Ha So Nah	SF11	Xác định thời hạn 12 tháng	16/12/2020	7525756665	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Ha So Nah	5902205485818	Agribank - Xuân Lộc	272676385
329	Lê Thị Mỹ Hạnh	SF14	Xác định thời hạn 12 tháng	19/12/2020	7509115289	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Lê Thị Mỹ Hạnh	5902205485824	Agribank - Xuân Lộc	271998191
330	Nguyễn Thị Thu	SF03	Xác định thời hạn 12 tháng	23/12/2020	7510144633	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Thu	5902205489883	Agribank - Xuân Lộc	272343819
331	Ro Keh	SF14	Xác định thời hạn 12 tháng	23/12/2020	7515135195	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Ro Keh	5902205489890	Agribank - Xuân Lộc	272390293
332	Kho Chah	SF03	Xác định thời hạn 12 tháng	23/12/2020	7511132191	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Kho Chah	5902205489904	Agribank - Xuân Lộc	272344810
333	Lê Nguyễn Thủy Dương	SF18	Xác định thời hạn 12 tháng	31/12/2020	7513187347	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Lê Nguyễn Thủy Dương	5902205489927	Agribank - Xuân Lộc	272343284

TT	Họ và tên	Phòng ban làm việc phân xưởng	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương		Tổng số tiền hỗ trợ	Số tiền đã hỗ trợ theo Quyết định số 3092/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai	Số tiền hỗ trợ bổ sung	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm				Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
334	Lê Thị Oanh Kiều	Hoàn thành	Xác định thời hạn 12 tháng	20/12/2020	6021149523	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Lê Thị Oanh Kiều	5902205489933	Agribank - Xuân Lộc	261328807
335	Trần Thị Tâm	SF03	Xác định thời hạn 12 tháng	12/01/2021	6021173134	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Trần Thị Tâm	5902205489940	Agribank - Xuân Lộc	261492067
336	Nguyễn Thị Mai	QC X9	Xác định thời hạn 12 tháng	14/01/2021	7414063382	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Mai	5902205489956	Agribank - Xuân Lộc	186945256
337	Hoàng Quốc Vũ	Cải-ép nhân	Xác định thời hạn 12 tháng	23/03/2021	7514186167	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Hoàng Quốc Vũ	5902205508076	Agribank - Xuân Lộc	271911251
338	Võ Thị Bé Xiêu	SF18	Xác định thời hạn 12 tháng	24/03/2021	8013025231	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Võ Thị Bé Xiêu	5902205497426	Agribank - Xuân Lộc	301306509
339	Nguyễn Thị Mai Hồng	SG04	Xác định thời hạn 12 tháng	24/03/2021	7513187637	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Mai Hồng	5902205446789	Agribank - Xuân Lộc	272228592
340	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Hoàn thành	Xác định thời hạn 12 tháng	02/03/2021	7515135687	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	5902205497449	Agribank - Xuân Lộc	272555608
341	Nguyễn Thị Thúy Hoa	Hoàn thành	Xác định thời hạn 12 tháng	02/03/2021	7525588015	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Thúy Hoa	5902205497455	Agribank - Xuân Lộc	276031464
342	Ip Ro Him Nam	Hoàn thành	Xác định thời hạn 12 tháng	02/03/2021	7525670314	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Ip Ro Him Nam	5902205497478	Agribank - Xuân Lộc	272930931
343	Nguyễn Thị Thanh Nhân	SF11	Xác định thời hạn 12 tháng	26/03/2021	7410253075	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Thanh Nhân	5902205396991	Agribank - Xuân Lộc	271689072
344	Nguyễn Thị Thúy Hằng	SF05	Xác định thời hạn 12 tháng	26/03/2021	7516173115	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Thúy Hằng	5902205502005	Agribank - Xuân Lộc	272762227
345	Hồ Sơn	Kho	Xác định thời hạn 12 tháng	03/03/2021	7526432006	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Hồ Sơn	5902205502011	Agribank - Xuân Lộc	025305290
346	Mai Thị Thanh Thảo	Hoàn thành	Xác định thời hạn 12 tháng	04/03/2021	7525669503	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Mai Thị Thanh Thảo	5902205502028	Agribank - Xuân Lộc	276010396

TT	Họ và tên	Phòng ban làm việc phân xưởng	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLD	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HDLD/nghỉ không lương		Tổng số tiền hỗ trợ	Số tiền đã hỗ trợ theo Quyết định số 3092/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai	Số tiền hỗ trợ bổ sung	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm				Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
347	Cao Thị Duyên	QL Sản xuất 9	Xác định thời hạn 12 tháng	30/03/2021	7516126584	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Cao Thị Duyên	5902205350230	Agribank - Xuân Lộc	272227677
348	Jam Phi Yah	SF04	Xác định thời hạn 12 tháng	01/03/2021	7513035007	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Jam Phi Yah	5902205495988	Agribank - Xuân Lộc	271787699
349	Ay Sah	SF16	Xác định thời hạn 12 tháng	01/03/2021	7525693401	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Ay Sah	5902205502040	Agribank - Xuân Lộc	272881124
350	Ro Phy Á	SF16	Xác định thời hạn 12 tháng	01/03/2021	7526075582	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Ro Phy Á	5902205502057	Agribank - Xuân Lộc	272881211
351	Nguyễn Thị Ái Hoa	QC Gunze X9	Xác định thời hạn 12 tháng	01/03/2021	7525637247	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Ái Hoa	5902205502063	Agribank - Xuân Lộc	276010563
352	Rojay Mah	Hoàn thành	Xác định thời hạn 12 tháng	08/03/2021	7526977264	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Rojay Mah	5902205381886	Agribank - Xuân Lộc	272390374
353	Trương Thành Đạt	Hoàn thành	Xác định thời hạn 12 tháng	08/03/2021	7526263841	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Trương Thành Đạt	5902205502070	Agribank - Xuân Lộc	044199001422
354	Nguyễn Thị Bé Hiền	SG04	Xác định thời hạn 12 tháng	31/03/2021	7525644114	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Bé Hiền	5902205502086	Agribank - Xuân Lộc	341953896
355	Bùi Thị Hương	SG01	Xác định thời hạn 12 tháng	31/03/2021	7525696986	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Bùi Thị Hương	5902205351573	Agribank - Xuân Lộc	272745949
356	Busamach A Mi Na	SF18	Xác định thời hạn 12 tháng	31/03/2021	8925427820	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Busamach A Mi Na	5902205502107	Agribank - Xuân Lộc	352704084
357	Kim Thị Sĩ Phane	SF15	Xác định thời hạn 12 tháng	31/03/2021	8410002323	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Kim Thị Sĩ Phane	5902205502113	Agribank - Xuân Lộc	334485286
358	Mai Trần Quốc Việt	SF15	Xác định thời hạn 12 tháng	31/03/2021	7525754383	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Mai Trần Quốc Việt	5902205502120	Agribank - Xuân Lộc	276031282
359	Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	Cải-Ép nhân	Xác định thời hạn 12 tháng	09/03/2021	7510150450	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	5902205502136	Agribank - Xuân Lộc	272045567



TT	Họ và tên	Phòng ban làm việc phân xưởng	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương		Tổng số tiền hỗ trợ	Số tiền đã hỗ trợ theo Quyết định số 3092/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai	Số tiền hỗ trợ bổ sung	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm				Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
360	Ha Si Nành	SG01	Xác định thời hạn 12 tháng	02/04/2021	7525749491	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Ha Si Nành	5902205502159	Agribank - Xuân Lộc	272819886
361	Ngô Sơn Lâm	Kho	Xác định thời hạn 12 tháng	15/03/2021	4520158180	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Ngô Sơn Lâm	5902205502188	Agribank - Xuân Lộc	197206629
362	Ây Sah	SG04	Xác định thời hạn 12 tháng	07/04/2021	7510127482	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Ây Sah	5902205502194	Agribank - Xuân Lộc	272246298
363	Thị Âm Pí Giảnh	SG02	Xác định thời hạn 12 tháng	07/04/2021	7221366446	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Thị Âm Pí Giảnh	5902205502209	Agribank - Xuân Lộc	291123573
364	Nguyễn Thị Hà	SF14	Xác định thời hạn 12 tháng	08/04/2021	4520699353	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Hà	5902205502215	Agribank - Xuân Lộc	197380754
365	Dương Thị Ngọc Thảo	QC X9	Xác định thời hạn 12 tháng	08/04/2021	7514066659	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Dương Thị Ngọc Thảo	5902205502238	Agribank - Xuân Lộc	272555336
366	Nguyễn Thị Cẩm Sương	Cắt-Ép nhân	Xác định thời hạn 12 tháng	22/03/2021	7525704865	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Cẩm Sương	5902205502244	Agribank - Xuân Lộc	276010381
367	Ha Na Phi	Cắt-Ép nhân	Xác định thời hạn 12 tháng	22/03/2021	7516149577	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Ha Na Phi	5902205502250	Agribank - Xuân Lộc	272660203
368	Lý Thị Kim Hằng	SF11	Xác định thời hạn 12 tháng	14/04/2021	7516148257	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Lý Thị Kim Hằng	5902205502267	Agribank - Xuân Lộc	261229627
369	Hoàng Thị Tuyết Như	SG01	Xác định thời hạn 12 tháng	15/04/2021	7525601799	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Hoàng Thị Tuyết Như	5902205502280	Agribank - Xuân Lộc	272881237
370	Lê Thị Thu Thảo	SF01	Xác định thời hạn 12 tháng	15/04/2021	7515135197	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Lê Thị Thu Thảo	5902205502296	Agribank - Xuân Lộc	272555511
371	Lê Thị Minh Tâm	SG02	Xác định thời hạn 12 tháng	20/04/2021	7514007837	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Lê Thị Minh Tâm	5902205507826	Agribank - Xuân Lộc	272621758
372	Thị Sa Ly Mah	SG02	Xác định thời hạn 12 tháng	21/04/2021	7510095263	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Thị Sa Ly Mah	5902205507861	Agribank - Xuân Lộc	271695354

TT	Họ và tên	Phòng ban làm việc phân xưởng	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương		Tổng số tiền hỗ trợ	Số tiền đã hỗ trợ theo Quyết định số 3092/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai	Số tiền hỗ trợ bổ sung	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/hộ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm				Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
373	Lê Thị Chấn	SG02	Xác định thời hạn 12 tháng	22/04/2021	7525745006	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Lê Thị Chấn	5902205507878	Agribank - Xuân Lộc	276080871
374	Phạm Thị Ánh Nga	SG02	Xác định thời hạn 12 tháng	22/04/2021	7910352217	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Phạm Thị Ánh Nga	5902205507884	Agribank - Xuân Lộc	272246482
375	Sa Li Hah	SG02	Xác định thời hạn 12 tháng	27/04/2021	7516226766	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Sa Li Hah	5902205507890	Agribank - Xuân Lộc	272555524
376	Lê Thị Thu Hiền	QL Sản xuất 9	Xác định thời hạn 12 tháng	28/04/2021	7510129316	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Lê Thị Thu Hiền	5902205507905	Agribank - Xuân Lộc	272054362
377	Ha Mi Tah	QC X9	Xác định thời hạn 12 tháng	01/04/2021	7525668430	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Ha Mi Tah	5902205507928	Agribank - Xuân Lộc	272881091
378	Nguyễn Thị Hồng Liên	SF14	Xác định thời hạn 12 tháng	01/04/2021	7525631674	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Hồng Liên	5902205507934	Agribank - Xuân Lộc	272882456
379	Nguyễn Thị Phương	SF15	Xác định thời hạn 12 tháng	30/04/2021	7525758691	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Phương	5902205507940	Agribank - Xuân Lộc	272516335
380	Nguyễn Thị Thảo	SF15	Xác định thời hạn 12 tháng	30/04/2021	7525753950	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Thảo	5902205507957	Agribank - Xuân Lộc	272708405
381	Điền Thị Bý	QC Gunze X9	Xác định thời hạn 12 tháng	06/05/2021	7525575250	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Điền Thị Bý	5902205507970	Agribank - Xuân Lộc	272660143
382	Lê Thị Bảo Loan	SF11	Xác định thời hạn 12 tháng	08/05/2021	7515135742	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Lê Thị Bảo Loan	5902205507986	Agribank - Xuân Lộc	341808311
383	Musa	SF09	Xác định thời hạn 12 tháng	09/05/2021	7525574950	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Musa	5902205507992	Agribank - Xuân Lộc	276010436
384	Thị Minh	SG02	Xác định thời hạn 12 tháng	12/05/2021	7513187355	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Thị Minh	5902205508001	Agribank - Xuân Lộc	271899847
385	Pu Kri	SF14	Xác định thời hạn 12 tháng	13/05/2021	7525727822	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Pu Kri	5902205508024	Agribank - Xuân Lộc	272881441



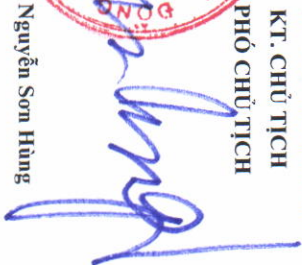
TT	Họ và tên	Phòng ban làm việc phân xưởng	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương		Tổng số tiền hỗ trợ	Số tiền đã hỗ trợ theo Quyết định số 3092/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai	Số tiền hỗ trợ bổ sung	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm				Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
386	Sa Ki Na	SG02	Xác định thời hạn 12 tháng	19/05/2021	7525684038	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Sa Ki Na	5902205508030	Agribank - Xuân Lộc	272660317
387	Math Sa Fiy	QC Gunze X9	Xác định thời hạn 12 tháng	19/05/2021	7515001301	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Math Sa Fiy	5902205508047	Agribank - Xuân Lộc	272538571
388	Trần Thị Liên	SF12	Xác định thời hạn 12 tháng	26/05/2021	7512206278	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Trần Thị Liên	5902205428163	Agribank - Xuân Lộc	271540440
389	Trần Thị Ngọc Bích	QC X9	Xác định thời hạn 12 tháng	26/05/2021	7509101459	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Trần Thị Ngọc Bích	5902205514380	Agribank - Xuân Lộc	272045344
390	Trần Minh Phương	Kho	Xác định thời hạn 12 tháng	18/05/2021	3824161240	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Trần Minh Phương	5902205514397	Agribank - Xuân Lộc	272490262
391	Cô Ry Giá	SF18	Xác định thời hạn 12 tháng	13/06/2021	7221389594	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Cô Ry Giá	5902205488924	Agribank - Xuân Lộc	072300004294
392	Adam Ibrahim Sudarani	SF09	Xác định thời hạn 12 tháng	16/06/2021	7515050484	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Adam Ibrahim Sudarani	5902205350666	Agribank - Xuân Lộc	272621097
393	Đặng Thị Cẩm Nhung	Hoàn thành	Xác định thời hạn 12 tháng	25/05/2021	7525561855	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Đặng Thị Cẩm Nhung	5902205514401	Agribank - Xuân Lộc	272881130
394	Nguyễn Thu Thảo	Cắt-Ep nhân	Xác định thời hạn 12 tháng	27/05/2021	7513002941	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thu Thảo	5902205514418	Agribank - Xuân Lộc	272459393
395	Hoàng Thị Ngọc Oanh	QC Gunze X9	Xác định thời hạn 12 tháng	19/06/2021	7525618381,00	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Hoàng Thị Ngọc Oanh	5902205514430	Agribank - Xuân Lộc	272158493
396	A Bi Na Qui	SG01	Xác định thời hạn 12 tháng	20/06/2021	7526431665	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	A Bi Na Qui	5902205514460	Agribank - Xuân Lộc	272881412
397	Huỳnh Thị Tuyết Loan	SG01	Xác định thời hạn 12 tháng	23/06/2021	7516125907	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Huỳnh Thị Tuyết Loan	5902205514482	Agribank - Xuân Lộc	272390353
398	Lê Thị Kha Ái	Cắt-Ep nhân	Xác định thời hạn 12 tháng	08/06/2021	7516148462	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Lê Thị Kha Ái	5902205517661	Agribank - Xuân Lộc	27255670

TT	Họ và tên	Phòng ban làm việc phân xưởng	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLD	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HDLD/nghỉ không lương		Tổng số tiền hỗ trợ	Số tiền đã hỗ trợ theo Quyết định số 3092/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai	Số tiền hỗ trợ bổ sung	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm				Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
399	A Mi Nah	Cắt-Ép nhãn	Xác định thời hạn 12 tháng	10/06/2021	7511032284	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	A Mi Nah	5902205455800	Agribank - Xuân Lộc	2724290005
400	Sa Ly Há	Cắt-Ép nhãn	Xác định thời hạn 12 tháng	10/06/2021	7933805308	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Sa Ly Há	5902205517678	Agribank - Xuân Lộc	024898449
401	Ro Ky Giá	SF15	Xác định thời hạn 12 tháng	01/06/2021	7526075581	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Ro Ky Giá	5902205517684	Agribank - Xuân Lộc	276010151
402	Trương Thị Xuân Diệu	SF04	Xác định thời hạn 12 tháng	07/07/2021	8721662773	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Trương Thị Xuân Diệu	5902205517690	Agribank - Xuân Lộc	341931204
403	Nguyễn Thị Phương Diễm	SF18	Xác định thời hạn 12 tháng	07/07/2021	7514052465	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Phương Diễm	5902205517705	Agribank - Xuân Lộc	272228629
404	Phạm Thị Hoàng Dung	QL Sản xuất 9	Xác định thời hạn 12 tháng	08/07/2021	7525581352	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Phạm Thị Hoàng Dung	5902205517711	Agribank - Xuân Lộc	272745106
405	Trần Thị Mỹ Hương	SF11	Xác định thời hạn 12 tháng	09/07/2021	7525645153	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Trần Thị Mỹ Hương	5902205381784	Agribank - Xuân Lộc	272881384
406	Bùi Thị Thủy Ngân	SG04	Xác định thời hạn 12 tháng	13/07/2021	7913234702	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Bùi Thị Thủy Ngân	5902205517734	Agribank - Xuân Lộc	212749748
407	Lê Thị Hóc	Tập vụ X9	Xác định thời hạn 12 tháng	23/06/2021	7525244637	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Lê Thị Hóc	5902205517740	Agribank - Xuân Lộc	272864079
408	Cao Thị Oanh	Cắt-Ép nhãn	Xác định thời hạn 12 tháng	23/06/2021	7525683745	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Cao Thị Oanh	5902205517757	Agribank - Xuân Lộc	273407737
409	Nguyễn Phương Hồng Ngọc	SF16	Xác định thời hạn 12 tháng	16/07/2021	7526674090	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Phương Hồng Ngọc	5902205517763	Agribank - Xuân Lộc	272745848
410	Os Hana Quy	Cắt-Ép nhãn	Xác định thời hạn 12 tháng	28/06/2021	7525540668	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Os Hana Quy	5902205517786	Agribank - Xuân Lộc	272045282
411	Đào Thị Xuyên	QL Sản xuất 9	Xác định thời hạn 12 tháng	01/11/2020	7514186700	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Đào Thị Xuyên	5902205480049	Agribank - Xuân Lộc	272228555



TT	Họ và tên	Phòng ban làm việc phân xưởng	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLD	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HDLD/nghỉ không hưởng lương		Tổng số tiền hỗ trợ	Số tiền đã hỗ trợ theo Quyết định số 3092/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Đông Nai	Số tiền hỗ trợ bổ sung	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm				Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
412	Nguyễn Thị Hòa Mí	Hoàn thành	Xác định thời hạn 12 tháng	04/11/2020	7509040044	02/08/2021	02/08/2021	15/09/2021	3.710.000	1.855.000	1.855.000	Nguyễn Thị Hòa Mí	5902205485672	Agribank - Xuân Lộc	272198960
Cộng: 412 người															

Tổng số tiền hỗ trợ: 764.260.000 đồng
(Bằng chữ: Bảy trăm sáu mươi tư triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Sơn Hùng

